

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hồng

2. Ông Ngủ Minh Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông ĐPT, sinh năm 1982; thường trú: 44/1A khu phố HL, phường VP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà ĐTMK, sinh năm 1984, thường trú: 524G khu phố NT, phường LT, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2018, bản tự khai ngày 06/3/2019, biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2019, nguyên đơn ông Đặng Phương Trà trình bày:

Ông ĐPT và bà ĐTMK tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có tổ chức lễ cưới, được sự đồng ý của gia đình hai bên và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương ngày 26/6/2009, giấy chứng nhận kết hôn số 165/2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã chuyện tiền bạc, nuôi dạy con cái. Ông T, bà K sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay ông ĐPT xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trà yêu cầu ly hôn với bà ĐTMK.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên ĐTXH, sinh ngày 10/02/2003 và ĐTV, sinh ngày 05/4/2006. Ông ĐPT yêu cầu bà ĐTMK trực tiếp nuôi 02 con chung, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 06/5/2019 bị đơn bà ĐTMK trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân, hiện nay ông T đã có cuộc sống riêng nên bà ĐTMK đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên ĐTXH, sinh ngày 10/02/2003 và ĐTV, sinh ngày 05/4/2006. Bà ĐTMK đồng ý trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết và bà K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà ĐTMK có hộ khẩu thường trú tại số nhà 524G khu phố NT, phường LT, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông ĐPT và bị đơn bà ĐTMK đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà K theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông ĐPT và bà ĐTMK có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương ngày 16/6/2009, như vậy hôn nhân của ông T và bà K là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông ĐPT trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã chuyện tiền bạc, nuôi dạy con cái. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bị đơn bà K xác định vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 và đồng ý ly hôn với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do cả ông T và bà K đều xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T và bà K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên ĐTXH, sinh ngày 10/02/2003 và ĐTV,, sinh ngày 05/4/2006. Xét thấy, cả bà K lẫn ông T đều đã được triệu tập hợp lệ để đưa các con chung lên tòa án lấy lời khai về việc các con chung muốn sống với ai trong trường hợp bố mẹ ly hôn, tuy nhiên cả ông T và bà K đều không thực hiện việc này, đồng thời bà K có yêu cầu đề nghị Tòa án không được gặp và lập biên bản làm việc với các con chung vì sợ ảnh hưởng đến tinh thần của các con. Ông T yêu cầu bà K trực tiếp nuôi 02 con chung, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Bà ĐTMK đồng ý trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, có căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu của 02 con chung, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà ĐTMK trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà Kim về việc không yêu cầu ông T phải trực tiếp nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc ly hôn với bà K, giao 02 con chung cho bà Kim trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà K về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông ĐPT về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bà ĐTMK.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông ĐPT được ly hôn với bà ĐTMK.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên ĐTXH, sinh ngày 10/02/2003 và ĐTV, sinh ngày 05/4/2006 cho bà ĐTMK trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà ĐTMK về việc không yêu cầu ông ĐPT phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông ĐPT phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0024964 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- THADS thị xã Thuận An;
- Phòng tư pháp TX Thuận An;
- Dương sự;
- UBND phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhâm